TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 08-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kim Diễn**
Ông **Thạch Tấn Thành**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Hoàng Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Thanh Tú** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Kim Ngọc H, tên gọi khác: R, sinh ngày 16/8/1966 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim S (chết) và bà Kim Thị K (chết); vợ: Kim Thị H, sinh năm 1965; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân tốt. Bị cáo bị khởi tố vào ngày 25/4/2018 và tại ngoại cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà **Trần Thị H** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh số 02. (có mặt)

- *Người bị hại*: Ông **Tăng Văn C**, sinh năm 1955 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

1. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1931 (mẹ ruột bị hại)
Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà **Huỳnh Thị Q**, sinh năm 1963 (vợ bị hại)

3. Chị **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1977 (con ruột bị hại).

4/ Anh **Nguyễn Khắc G**, sinh năm 1995 (con ruột bị hại)
Cùng địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Anh **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1983 (con ruột bị hại, có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Chị **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh năm 1980 (con ruột bị hại)
Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh.

(Bà C, bà Q, chị G, chị L và anh G đồng ủy quyền cho anh Nguyễn Anh D tham gia tố tụng)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Kim Thị H**, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông **Hà Văn L**, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người tham gia tố tụng khác* (*người làm chứng*):

1. Ông **Phùng Thế X**, sinh năm 1979 (vắng mặt)
2. Ông **Thạch S**, sinh năm 1953 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
3. Ông **Thạch S**, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông **Kim S**, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà **Từ Thị O**, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 12/3/2018, bị cáo Kim Ngọc H điều khiển xe mô tô biển số 84G1 – 128.09 một mình đi dự đám cưới tại nhà ông Kim S tại ấp B, xã T. Tại đám cưới, bị cáo H đã uống nhiều rượu, đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo H điều khiển xe mô tô về nhà trên Quốc lộ 54. Khi bị cáo đến đoạn đường thuộc ấp Đ, xã T, đây là đoạn đường thẳng, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, không bị che khuất tầm nhìn, chiều rộng mặt đường là 5,5m và có vạch phân tuyến. Bị cáo H điều khiển xe với vận tốc khoảng 40km/h nhưng do có sử dụng rượu bia và buồn ngủ nên không quan sát được các phương tiện đang lưu thông ở phía trước và đã điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái theo chiều đi, hậu quả là gây ra tại nạn với mô tô biển số 84F7 - 3997 do ông Tăng Văn C, điều khiển xe một mình, đi theo chiều ngược lại. Sau khi tai nạn xảy ra, xe mô tô 84K7 – 3997 của ông C ngã về bên trái ở vị trí gần giữa đường nhựa, đầu xe hướng về xã Phước Hưng, đuôi xe hướng về xã T, tâm bánh xe trước cách mép đường bên phải theo

chiều đi là 2,8m và tâm bánh xe sau cách mép đường bên phải là 2,1m, riêng xe mô tô của bị cáo H nằm ở phần đường bên trái theo chiều đi, đầu xe hướng về xã T, đuôi xe hướng về xã P, tâm bánh xe trước cách mép đường bên trái theo chiều đi là 2,05m, tâm bánh xe sau cách mép đường bên trái là 2,2m, tâm xe mô tô của bị cáo H cách tâm xe mô tô của ông C là 1,1m.

Vùng va chạm ở phần đường của ông C và cách mép đường bên phải theo chiều đi của ông C là 2,05m (cách vạch phân tuyến là 0,7m). Hậu quả làm ông C bị thương nặng và đã tử vong lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào bản kết luận giám định pháp y số: 72/KLGĐ (PY) ngày 15/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong của Tăng Văn C là do đa chấn thương.

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, cùng kết quả điều tra, xác định nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn xảy ra là do Kim Ngọc H điều khiển xe mô tô đi không đúng phần đường quy định, lấn sang phần đường bên trái theo chiều đi, thiếu quan sát phía trước, điều khiển xe mô tô mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định (kết quả máy đo là 1,231 miligam/1 lít khí thở) đã vi phạm theo khoản 8, khoản 23 Điều 8 Chương I; khoản 1 Điều 9 Chương II của Luật giao thông đường bộ. Riêng ông Tăng Văn C điều khiển xe mô tô đi đúng phần đường quy định nên không có lỗi trong vụ tai nạn.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSTC ngày 18/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, truy tố bị cáo Kim Ngọc H về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm b, khoản 2, Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Nguyễn Anh D không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự trong vụ án, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*". Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Kim Ngọc H 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, giao bị cáo cho địa phương quản lý và giáo dục.

+ Về vật chứng của vụ án: Đề nghị trả lại chiếc xe mô tô biển số 84G1-128.09 cho bị cáo Kim Ngọc H.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện của bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa người đại diện bị hại cũng không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là đúng. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, đã thành khẩn khai báo, bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo là người dân tộc khmer sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình và được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Kim Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/3/2018, tại Quốc lộ 54 đoạn thuộc ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Kim Ngọc H điều khiển xe mô tô tham gia giao thông nhưng đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, cụ thể là đi không đúng phần đường quy định, lấn sang phần đường bên trái và có nồng độ cồn trong hơi thở vượt quá mức quy định (1,231 miligam/1 lít khí thở), đã vi phạm quy định tại khoản 8 và khoản 23 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật giao thông đường bộ. Hành vi của bị cáo H đã gây ra tai nạn làm cho ông Tăng Văn C tử vong.

Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật giao thông đường bộ cụ thể như sau:

- Khoản 8 Điều 8: "Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở".

- Khoản 23 Điều 8: Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ, trong đó có quy tắc tại khoản 1 Điều 9 "Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ".

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Cáo trạng là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy

tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường bộ và sự an toàn về tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, do đó cần phải xử lý nghiêm. Trong vụ án này bị cáo điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ trong khi đã có uống rượu và đi không đúng phần đường quy định, thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tay lái nên xe do bị cáo điều khiển lấn sang phần đường bên trái gây tai nạn. Mặc dù tai nạn xảy ra là không ai mong muốn nhưng nếu bị cáo có ý thức chấp hành đúng luật giao thông đường bộ thì đã không xảy ra hậu quả như ngày hôm nay. Hành vi của bị cáo đã tước đi mạng sống của ông Tăng Văn C, làm cho gia đình bị hại đau buồn vì mất đi một người thân, đồng thời làm cho người dân trên địa bàn xã T nói riêng và huyện T nói chung luôn hoang mang lo sợ khi tham gia giao thông. Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đã thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho gia đình bị hại, người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3.3] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại gia đình và địa phương. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, không cần phải cách ly bị cáo khỏi gia đình, xã hội cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo và cũng thể hiện chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự của Nhà nước ta, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương.

[4] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Mặc dù xe mô tô biển số 84G1-128.09 là phương tiện gây ra tại nạn, tuy nhiên vụ việc xảy ra là không ai mong muốn, phía bị hại cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và bị cáo cũng đã khắc phục, bồi thường thiệt

hại đầy đủ nên việc trả lại chiếc xe cho bị cáo để làm phương tiện di chuyển cũng là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với nhau và tại phiên tòa phía đại diện của bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Kim Ngọc H (Rẹp) phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Kim Ngọc H 03 (*ba*) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (*năm*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Kim Ngọc H xe mô tô mang biển kiểm soát 84G1-128.09, số máy FMHV01124613, số khung SMN9H0024613 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú và Công an huyện Trà Cú).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Kim Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp quyết định của bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- UBND xã T;
- Công an xã T;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Duyên